

Số: **2384**/QĐ-UBND

Trà Vinh, ngày **14** tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Đề án “Xác định Chỉ số cải cách hành chính của các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố”

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 13/6/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 1150/QĐ-BNV ngày 30/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ phê duyệt Đề án “Xác định Chỉ số cải cách hành chính của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương”;

Căn cứ Quyết định số 1370/QĐ-UBND ngày 04/7/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Kế hoạch số 86/KH-UBND ngày 03/12/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về cải cách hành chính tỉnh Trà Vinh năm 2020;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 262/TTr-SNV ngày 02/6/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Đề án số 03/ĐA-SNV ngày 02/6/2020 của Giám đốc Sở Nội vụ về “Xác định Chỉ số cải cách hành chính của các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tỉnh Trà Vinh” (đính kèm Bộ tiêu chí đánh giá, xếp hạng).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1576/QĐ-UBND ngày 08/8/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Bộ tiêu chí theo dõi, đánh giá, xếp hạng kết quả cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Giao Sở Nội vụ xây dựng kế hoạch, ban hành văn bản hướng dẫn các sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố triển khai việc xác định Chỉ số cải cách hành chính thuộc phạm vi, trách nhiệm của sở, ban,

ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố. Phối hợp Sở Tài chính dự toán kinh phí triển khai xác định Chỉ số cải cách hành chính của các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố theo quy định.

Điều 4. Sở Tài chính phối hợp Sở Nội vụ tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí thực hiện Đề án “Xác định Chỉ số cải cách hành chính của các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố” đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Vụ CCHC, Bộ Nội vụ;
- TT TU (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 5;
- Các sở, ban, ngành tỉnh (hệ nhà nước);
- Ban Quản lý Khu kinh tế TV;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- BLĐVP;
- Phòng HC-QT;
- * - Lưu: VT, NC. 04

.6577.



Lê Văn Hảo

BẢNG 1

BỘ TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, XẾP HẠNG KẾT QUẢ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CÁC SỞ, BAN, NGÀNH TỈNH

(Kèm theo Quyết định số 2384/QĐ-UBND ngày 11/6/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh)



STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Tổng điểm đạt được	Ghi chú
			Tỷ lệ đánh giá	Điều tra khảo sát	UBND tỉnh đánh giá		
1	CÔNG TÁC CHỈ DẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC	10					
1.1	Thực hiện kế hoạch cải cách hành chính (CCHC) <i>Hoàn thành từ 80% - 100% kế hoạch thì điểm đánh giá được tính theo công thức</i> $\left[\frac{\text{Tỷ lệ \% hoàn thành nhiệm vụ} \times 2,00}{100\%} \right]$	2					
	<i>Hoàn thành dưới 80% kế hoạch: 0</i>						
1.2	Thực hiện chế độ báo cáo CCHC định kỳ <i>Thực hiện đầy đủ về số lượng, nội dung và thời hạn theo quy định: 2</i>	2					
	<i>Thực hiện không đầy đủ một trong các yêu cầu về số lượng, nội dung và thời hạn gửi báo cáo: 0</i>						
1.3	Công tác kiểm tra CCHC	2					
1.3.1	Tỷ lệ cơ quan cơ quan, đơn vị được kiểm tra trong năm	1					
	<i>Từ 30% số cơ quan, đơn vị trở lên: 1</i>						
	<i>Từ 20% - dưới 30% số cơ quan, đơn vị: 0,5</i>						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Tổng điểm đạt được	Ghi chú
			Tự đánh giá	Điều tra khảo sát	UBND tỉnh đánh giá		
	<i>Dưới 20% số cơ quan, đơn vị: 0</i>						
1.3.2	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	1					
	<i>100% số vấn đề phát hiện được xử lý, kiến nghị xử lý: 1</i>						
	<i>Dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý, kiến nghị xử lý: 0</i>						
1.4	Công tác tuyên truyền CCHC	1					
	<i>Tuyên truyền nội dung CCHC thông qua các phương tiện thông tin đại chúng: 0.5</i>						
	<i>Tuyên truyền nội dung CCHC thông qua các hình thức khác: 0.5</i>						
1.5	Sáng kiến hoặc giải pháp mới trong thực hiện CCHC	2					
	<i>Có từ 2 sáng kiến/giai pháp mới trở lên: 2</i>						
	<i>Có 1 sáng kiến/giai pháp mới: 1</i>						
	<i>Không có sáng kiến/giai pháp mới: 0</i>						
1.6	Thực hiện các nhiệm vụ được Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao trong năm	1					
	<i>Hoàn thành đúng tiến độ 100% số nhiệm vụ được giao: 1</i>						
	<i>Hoàn thành 100% số nhiệm vụ được giao nhưng chậm tiến độ hoặc hoàn thành từ 90% đến dưới 100% số nhiệm vụ: 0,5</i>						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Tổng điểm đạt được	Ghi chú
			Tự đánh giá	Điều tra khảo sát	UBND tỉnh đánh giá		
	<i>Hoàn thành dưới 90% số nhiệm vụ được giao: 0</i>						
2	XÂY DỰNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THUỘC NGÀNH, LĨNH VỰC	8					
2.1	Theo dõi thi hành pháp luật (TĐTHPL)	2					
2.1.1	Triển khai, thực hiện Kế hoạch, văn bản của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh về tình hình theo dõi thi hành pháp luật	0,5					
	<i>Có triển khai, thực hiện: 0,5</i>						
	<i>Không có triển khai thực hiện: 0</i>						
2.1.2	Kiểm tra tình hình thi hành pháp luật	0,5					
	<i>Có thực hiện kiểm tra: 0,5</i>						
	<i>Không có thực hiện: 0</i>						
2.1.3	Báo cáo kết quả TĐTHPL	1					
	<i>Báo cáo đúng, đủ số lượng quy định: 1</i>						
	<i>Báo cáo không đủ hoặc không báo cáo: 0</i>						
2.2	Tác động của cải cách đến thể chế, cơ chế, chính sách thuộc phạm vi quản lý của cơ quan	6					

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Tổng điểm đạt được	Ghi chú
			Tự đánh giá	Điều tra khảo sát	UBND tỉnh đánh giá		
2.2.1	Tính hợp lý của các văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi quản lý	1.5				DTKS	
2.2.2	Tính khả thi của các văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi quản lý	1.5				DTKS	
2.2.3	Tính kịp thời của các văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi quản lý	1.5				DTKS	
2.2.4	Tính kịp thời trong việc phát hiện và xử lý các bất cập, vướng mắc trong tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi quản lý	1.5				DTKS	
3	CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (TTHC)	20					
3.1	Kiểm soát TTHC	4					
3.1.1	Thực hiện việc cập nhật, rà soát, tham mưu công bố mới bộ TTHC	2					
	<i>Kịp thời, đúng quy định: 2</i>						
	<i>Không kịp thời, không đúng quy định: 0</i>						
3.1.2	Xử lý các vấn đề phát hiện qua rà soát TTHC	2					
	<i>100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 2</i>						
	<i>Từ 80% - dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1</i>						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Tổng điểm đạt được	Ghi chú
			Tự đánh giá	Điều tra khảo sát	UBND tỉnh đánh giá		
	<i>Dưới 80% số vấn đề phải hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0</i>						
3.2	Công khai, niêm yết TTHC	2					
3.2.1	Công khai TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại nơi tiếp nhận, giải quyết TTHC	1					
	<i>Đầy đủ, kịp thời và đúng quy định: 1</i>						
	<i>Không đầy đủ, không kịp thời và không đúng quy định: 0</i>						
3.2.2	Công khai TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết trên Trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị	1					
	<i>Đầy đủ, kịp thời và đúng quy định: 1</i>						
	<i>Không đầy đủ, không kịp thời và không đúng quy định: 0</i>						
3.3	Công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ, TTHC trên Cổng Thông tin điện tử hoặc Cổng Dịch vụ công của tỉnh	1					
	<i>100% hồ sơ, TTHC giải quyết được công khai: 1</i>						
	<i>Dưới 100% hồ sơ, TTHC giải quyết được công khai: 0</i>						
3.4	Kết quả giải quyết hồ sơ, TTHC	2					
3.4.1	Tỷ lệ hồ sơ, TTHC được giải quyết đúng hạn theo quy định	1,5					

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Tổng điểm đạt được	Ghi chú
			Tự đánh giá	Điều tra khảo sát	UBND tỉnh đánh giá		
	<p><i>Từ 95%-100% số hồ sơ TTHC trong năm được giải quyết đúng hạn thì đánh giá theo công thức</i></p> $\left[\frac{\text{(Tỷ lệ \% số hồ sơ giải quyết đúng hạn)} \times 1,50}{100\%} \right]$						
	Dưới 95% số hồ sơ TTHC trong năm được giải quyết đúng hạn: 0						
3.4.2	Thực hiện việc xin lỗi người dân, tổ chức khi để xảy ra trễ hạn trong giải quyết hồ sơ, TTHC	0,5					
	Thực hiện đầy đủ, đúng quy định việc xin lỗi người dân, tổ chức khi để xảy ra trễ hạn trong giải quyết hồ sơ, TTHC: 0,5						
	Không thực hiện đầy đủ hoặc không đúng quy định: 0						
3.5	Thực hiện việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với quy định TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết	2					
	100% số phản ánh, kiến nghị được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 2						
	Từ 90% - dưới 100% số phản ánh, kiến nghị được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1						
	Dưới 90% số phản ánh, kiến nghị được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Tổng điểm đạt được	Ghi chú
			Tự đánh giá	Điều tra khảo sát	UBND tỉnh đánh giá		
3.6	Công khai kết quả trả lời phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với quy định TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết	1					
	100% số phản ánh, kiến nghị đã xử lý, trả lời được công khai theo quy định: 1						
	Dưới 100% số phản ánh, kiến nghị đã xử lý, trả lời được công khai theo quy định: 0						
3.7	Tỷ lệ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết được tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa	2					
	100% TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết được tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa: 2						
	Dưới 100% TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết được tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa: 0						
3.8	Tác động của cải cách đến chất lượng giải quyết TTHC	6					
3.8.1	Mức độ rõ ràng, dễ hiểu về các quy định hồ sơ, thủ tục, trình tự thực hiện TTHC thuộc lĩnh vực phụ trách	2					DTKS
3.8.2	Việc công khai, niêm yết đầy đủ, kịp thời các quy định hồ sơ, thủ tục, trình tự thực hiện TTHC thuộc lĩnh vực phụ trách tại nơi tiếp nhận và trả kết quả	2					DTKS
3.8.3	Kết quả giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính	2					DTKS

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Tổng điểm đạt được	Ghi chú
			Tự đánh giá	Điều tra khảo sát	UBND tỉnh đánh giá		
4	CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH	15					
4.1	Thực hiện việc sắp xếp, kiện toàn về tổ chức bộ máy theo quy định của Đề án số 05-ĐA/TTU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Quyết định số 638/QĐ-UBND, Quyết định số 639/QĐ-UBND của UBND tỉnh	2					
	<i>Đúng quy định: 2</i>						
	<i>Không đúng quy định: 0</i>						
4.2	Thực hiện quy định về cơ cấu số lượng lãnh đạo cấp phòng (chỉ cục) thuộc cơ quan, đơn vị	1					
	<i>Đúng quy định: 1</i>						
	<i>Không đúng quy định: 0</i>						
4.3	Báo cáo kết quả số lượng lãnh đạo cấp phòng (TP, PTP) thuộc Sở và tương đương	1					
	<i>Đầy đủ, đúng quy định: 1</i>						
	<i>Không đầy đủ hoặc không đúng quy định: 0</i>						
4.4	Thực hiện quy định về sử dụng biên chế được giao	1					
4.4.1	Thực hiện đúng quy định về sử dụng biên chế hành chính	0,5					

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Tổng điểm đạt được	Ghi chú
			Tự đánh giá	Điều tra khảo sát	UBND tỉnh đánh giá		
	<i>Sử dụng không vượt quá số lượng biên chế hành chính được giao: 0,5</i>						
	<i>Sử dụng vượt quá số lượng biên chế hành chính được giao: 0</i>						
4.4.2	Thực hiện đúng quy định về số lượng người làm việc (biên chế sự nghiệp) hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan, đơn vị	0,5					
	<i>Sử dụng không vượt quá số lượng người làm việc được giao và không có hợp đồng chuyên môn, nghiệp vụ: 0,5</i>						
	<i>Sử dụng vượt quá số lượng người làm việc được giao hoặc có hợp đồng, chuyên môn nghiệp vụ: 0</i>						
4.5	Thực hiện phân cấp quản lý	5					
4.5.1	Thực hiện đúng các quy định về phân cấp quản lý do UBND tỉnh ban hành (Quyết định số 31/2014/QĐ-UBND, Quyết định số 30/2015/QĐ-UBND và Quyết định số 38/2016/QĐ-UBND)	1					
	<i>Thực hiện đúng các quy định: 1</i>						
	<i>Không thực hiện đúng các quy định: 0</i>						
4.5.2	Thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ được phân cấp thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách	1					
	<i>Có thực hiện: 1</i>						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Tổng điểm đạt được	Ghi chú
			Tự đánh giá	Điều tra khảo sát	UBND tỉnh đánh giá		
	<i>Không thực hiện: 0</i>						
4.5.3	Xử lý các vấn đề về phân cấp phát hiện qua kiểm tra	1					
	<i>100% số vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý/kiến nghị xử lý: 1</i>						
	<i>Dưới 100% số vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý/kiến nghị xử lý: 0</i>						
4.5.4	Báo cáo định kỳ 06 tháng, năm về kết quả thực hiện Nghị quyết 18, 19 của Ban chấp hành TW (kết quả thực hiện Quyết định số 638/QĐ-UBND, Quyết định số 639/QĐ-UBND của UBND tỉnh)	2					
	<i>Thực hiện đầy đủ về số lượng, nội dung và đúng thời gian theo quy định: 2</i>						
	<i>Thực hiện không đầy đủ một trong các yêu cầu về số lượng, nội dung và thời hạn gửi báo cáo: 0</i>						
4.6	Tác động của cải cách đến tổ chức bộ máy hành chính	5					
4.6.1	Tình hình thực hiện quy chế của cơ quan, đơn vị	1					DTKS
4.6.2	Mối quan hệ phối hợp giữa các phòng, ban, đơn vị trực thuộc cơ quan, đơn vị trong giải quyết công việc	2					DTKS
4.6.3	Kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị	2					DTKS

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Tổng điểm đạt được	Ghi chú
			Tự đánh giá	Điều tra khảo sát	UBND tỉnh đánh giá		
5	XÂY DỰNG VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC	18					
5.1	Có xây dựng và thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo Đề án vị trí việc làm được UBND tỉnh phê duyệt (Bảng mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm của CC, VC theo Đề án vị trí việc làm đã được UBND tỉnh phê duyệt)	1					
	<i>Đã thực hiện: 1</i>						
	<i>Chưa thực hiện: 0</i>						
5.2	Thực hiện tuyển dụng viên chức tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc sở, ngành tỉnh	2					
	<i>Đúng quy định: 2</i>						
	<i>Không đúng quy định: 0</i>						
5.3	Thực hiện đầy đủ quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại vị trí lãnh đạo	2					
	<i>Thực hiện đúng quy định: 2</i>						
	<i>Thực hiện chưa đúng quy định: 0</i>						
5.4	Đánh giá, phân loại công chức, viên chức	2					
	<i>Thực hiện đúng quy định về trình tự, thủ tục và đúng thời gian: 2</i>						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Tổng điểm đạt được	Ghi chú
			Tự đánh giá	Điều tra khảo sát	UBND tỉnh đánh giá		
	<i>Thực hiện không đúng quy định và không đúng thời gian: 0</i>						
5.5	Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của công chức, viên chức	2					
	<i>Trong năm không có công chức, viên chức bị kỷ luật: 2</i>						
	<i>Trong năm có công chức, viên chức bị kỷ luật: 0</i>						
5.6	Về kết quả đào tạo, bồi dưỡng	1					
	<i>100% công chức, viên chức được cử hoàn thành chương trình đào tạo, bồi dưỡng: 1</i>						
	<i>Dưới 100% công chức, viên chức được cử hoàn thành chương trình đào tạo, bồi dưỡng: 0</i>						
5.7	Tác động của cải cách đến quản lý công chức, viên chức	3					
5.7.1	Tình trạng tiêu cực trong bỏ nhiệm, bỏ nhiệm lại vị trí lãnh đạo, quản lý	1,5					DTKS
5.7.2	Tình công khai minh bạch trong công tác quản lý, sử dụng công chức, viên chức	1,5					DTKS
5.8	Tác động của cải cách đến chất lượng công chức, viên chức	5					
5.8.1	Năng lực chuyên môn của công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ	1,5					DTKS

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Tổng điểm đạt được	Ghi chú
			Tự đánh giá	Điều tra khảo sát	UBND tỉnh đánh giá		
5.8.2	Tình thần trách nhiệm của công chức, viên chức trong thực hiện nhiệm vụ	1,5					DTKS
5.8.3	Tình trạng công chức, viên chức lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi cá nhân	2					DTKS
6	CÀI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG	9					
6.1	Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí hành chính	2					
	<i>Không có sai phạm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính được phát hiện trong năm đánh giá: 2</i>						
	<i>Có sai phạm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính được phát hiện trong năm đánh giá: 0</i>						
6.2	Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm tại các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc	4					
6.2.1	Số đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc cơ quan, đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	2					
	<i>Có từ 01 đơn vị trở lên: 2</i>						
	<i>Không có đơn vị thực hiện: 0</i>						
6.2.2	Số đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc cơ quan, đơn vị tự đảm bảo 100% chi thường xuyên	2					

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Tổng điểm đạt được	Ghi chú
			Tự đánh giá	Điều tra khảo sát	UBND tỉnh đánh giá		
	<i>Có từ 01 đơn vị trở lên: 2</i>						
	<i>Không có đơn vị thực hiện: 0</i>						
6.3	Tác động của cải cách đến quản lý tài chính công	3					
6.3.1	Thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng kinh phí của cơ quan	1,5					DTKS
6.3.2	Tính hiệu quả của việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm	1,5					DTKS
7	HIỆN ĐẠI HÓA HÀNH CHÍNH	18					
7.1	Ứng dụng công nghệ thông tin của tỉnh tại cơ quan	2					
7.1.1	Tổ chức thực hiện Kế hoạch ứng dụng CNTT của tỉnh	0,5					
	<i>Có văn bản (hoặc Kế hoạch) triển khai thực hiện và hoàn thành từ 90% trở lên chỉ tiêu Kế hoạch của tỉnh: 0.5</i>						
	<i>Không có văn bản (hoặc Kế hoạch) triển khai thực hiện và hoặc thực hiện hoàn thành dưới 90% chỉ tiêu kế hoạch của UBND tỉnh: 0</i>						
7.1.2	Thực hiện quản lý, điều hành công việc trong nội bộ và phát hành văn bản điện tử (có ký số) trên phần mềm quản lý văn bản và điều hành (iOffice)	1,5					

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Tổng điểm đạt được	Ghi chú
			Tự đánh giá	Điều tra khảo sát	UBND tỉnh đánh giá		
	Tỷ lệ văn bản điện tử đến trên iOffice được tiếp nhận, chuyển xử lý và xử lý hoàn thành trên phần mềm iOffice (so với tổng số văn bản đến trên iOffice): + Tỷ lệ 100%: 0,5 + Tỷ lệ dưới 100%: 0	0,5					
	Tỷ lệ văn bản đến bằng văn bản giấy (trừ văn bản mật) được số hóa, tiếp nhận, chuyển xử lý và xử lý hoàn thành trên phần mềm iOffice (so với tổng số văn bản đến bằng văn bản giấy trừ văn bản mật): + Tỷ lệ 100%: 0,5 + Tỷ lệ dưới 100%: 0	0,5					
	Tỷ lệ văn bản đi được phát hành bằng hình thức điện tử (có ký số) trên phần mềm iOffice (so với tổng số văn bản đi của cơ quan, đơn vị): + Tỷ lệ từ 90% trở lên: 0,5 + Tỷ lệ dưới 90%: 0	0,5					
7.2	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến	5					
	Tỷ lệ TTHC được cung cấp trực tuyến đạt mức độ 3 (so với tổng số thủ tục hành chính thuộc trách nhiệm giải quyết của cơ quan, đơn vị)	1					
	Tỷ lệ từ 70% trở lên: 1 Tỷ lệ dưới 70%: 0						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Tổng điểm đạt được	Ghi chú
			Tự đánh giá	Điều tra khảo sát	UBND tỉnh đánh giá		
7.2.2	Tỷ lệ TTHC được cung cấp trực tuyến mức độ 4 (so với tổng số thủ tục hành chính thuộc trách nhiệm giải quyết của cơ quan, đơn vị) Tỷ lệ từ 30% trở lên: 1 Tỷ lệ dưới 30%: 0	1					
7.2.3	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức 3,4 có phát sinh hồ sơ trong năm ($\frac{\text{Tổng số TTHC có phát sinh hồ sơ}}{\text{Tổng số TTHC cung cấp mức 3,4}}$) Tỷ lệ từ 50% trở lên: 1 Tỷ lệ dưới 50%: 0	1					
7.2.4	Tỷ lệ hồ sơ tiếp nhận trực tuyến so với tổng số hồ sơ tiếp nhận (trực tuyến và trực tiếp) đối với DVC mức độ 3. Tỷ lệ từ 20% trở lên: 1 Tỷ lệ từ 10% đến dưới 20%: điểm tính theo công thức: $\left\lfloor \frac{\text{Tỷ lệ \% hồ sơ} \times 1.00}{20\%} \right\rfloor$ Tỷ lệ dưới 10% TTHC: 0	1					
7.2.5	Tỷ lệ hồ sơ tiếp nhận trực tuyến so với tổng số hồ sơ tiếp nhận (trực tuyến và trực tiếp) đối với DVC mức độ 4. Tỷ lệ từ 20% trở lên: 1 điểm Tỷ lệ từ 10% đến dưới 20%: điểm tính theo công thức: $\left\lfloor \frac{\text{Tỷ lệ \% hồ sơ} \times 1.00}{20\%} \right\rfloor$	1					

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Tổng điểm đạt được	Ghi chú
			Tự đánh giá	Điều tra khảo sát	UBND tỉnh đánh giá		
	<i>Tỷ lệ dưới 10% TTHC: 0</i>						
7.3	Thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích (BCCCI)	4					
7.3.1	Tỷ lệ TTHC đã triển khai có phát sinh hồ sơ tiếp nhận/trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCCI <i>Tổng số TTHC có phát sinh hồ sơ qua BCCCI</i> <i>Tổng số TTHC triển khai thực hiện qua BCCCI</i>	2					
	<i>Tỷ lệ từ 50% trở lên: 2</i>						
	<i>Tỷ lệ dưới 50%: 0 điểm</i>						
7.3.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận qua dịch vụ BCCCI so với tổng số hồ sơ được tiếp nhận (bao gồm nhận qua BCCCI, trực tuyến, trực tiếp) đối với các TTHC được thực hiện qua dịch vụ BCCCI <i>Tổng số hồ sơ tiếp nhận qua BCCCI</i> <i>Tổng số hồ sơ tiếp nhận của các TTHC được thực hiện qua</i>	1					
	<i>Tỷ lệ từ 10% hồ sơ TTHC trở lên: 1</i>						
	<i>Tỷ lệ dưới 10% hồ sơ TTHC: 0</i>						
7.3.3	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được trả qua dịch vụ BCCCI so với tổng số hồ sơ được trả (bao gồm trả trực tiếp, qua BCCCI) đối với các TTHC được thực hiện qua dịch vụ BCCCI <i>Tổng số hồ sơ tiếp nhận qua BCCCI</i> <i>Tổng số hồ sơ tiếp nhận của các TTHC được thực hiện qua</i>	1					

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Tổng điểm đạt được	Ghi chú
			Tự đánh giá	Điều tra khảo sát	UBND tỉnh đánh giá		
	<i>Tỷ lệ từ 10% hồ sơ TTHC trở lên: 1</i>						
	<i>Tỷ lệ dưới 10% hồ sơ TTHC: 0</i>						
7.4	Áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng ISO	3					
7.4.1	Việc triển khai, thực hiện Hệ thống quản lý chất lượng ISO	1					
	<i>Có triển khai, thực hiện đúng quy định: 1</i>						
	<i>Không thực hiện đúng quy định: 0</i>						
7.4.2	Tỷ lệ TTHC thực hiện ISO	2					
	<i>100% TTHC: 2</i>						
	<i>Dưới 100% TTHC: 0</i>						
7.5	Tác động của cải cách đến hiện đại hóa hành chính	4					
7.5.1	Tình kịp thời của thông tin được cung cấp trên Trang thông tin điện tử của cơ quan	1					DTKS
7.5.2	Mức độ đầy đủ của thông tin được cung cấp trên Trang thông tin điện tử của cơ quan	1					DTKS
7.5.3	Mức độ thuận tiện trong việc truy cập, khai thác thông tin điện tử trên Trang thông tin của cơ quan	1					DTKS
7.5.4	Tình hiệu quả trong việc thực hiện quy trình ISO	1					DTKS

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Tổng điểm đạt được	Ghi chú
			Tự đánh giá	Điều tra khảo sát	UBND tỉnh đánh giá		
8	Mức độ hài lòng của cá nhân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan, đơn vị $\left[\frac{\text{Tỷ lệ \% hài lòng của người dân, tổ chức} \times 2,00}{100\%} \right]$	2				Điểm được xác định dựa trên kết quả phiếu khảo sát đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức tại cơ quan, đơn vị khi triển khai thực hiện mô hình “Chính quyền, công sở thân thiện và trách nhiệm”	
TỔNG ĐIỂM		100	68	32			

BẢNG 2**BỘ TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, XẾP HẠNG KẾT QUẢ
CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ**

(Kèm theo Quyết định số **2384/QĐ-UBND** ngày **11/6/2020** của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh)



STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Tổng điểm đạt được	Ghi chú
			Tự đánh giá	Điều tra khảo sát	UBND tỉnh đánh giá		
1	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC	10					
1.1	Thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính (CCHC) <i>Hoàn thành từ 80% - 100% kế hoạch thì điểm đánh giá được tính theo công thức</i> $\left[\frac{\text{(Tỷ lệ \% hoàn thành nhiệm vụ)} \times 2,00}{100\%} \right]$ <i>Hoàn thành dưới 80% kế hoạch: 0</i>	2					
1.2	Thực hiện chế độ báo cáo cải cách hành chính định kỳ <i>Thực hiện đầy đủ về số lượng, nội dung và thời hạn theo quy định: 2</i> <i>Thực hiện không đầy đủ một trong các yêu cầu về số lượng, nội dung và thời gian gửi báo cáo: 0</i>	2					
1.3	Công tác kiểm tra CCHC	2					
1.3.1	<i>Tỷ lệ cơ quan cơ quan, đơn vị được kiểm tra trong năm</i>	1					

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Tổng điểm đạt được	Ghi chú
			Tự đánh giá	Điều tra khảo sát	UBND tỉnh đánh giá		
	<i>Từ 30% số cơ quan, đơn vị trở lên: 1</i>						
	<i>Từ 20% - dưới 30% số cơ quan, đơn vị: 0,5</i>						
	<i>Dưới 20% số cơ quan, đơn vị: 0</i>						
1.3.2	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	1					
	<i>100% số vấn đề phát hiện được xử lý, kiến nghị xử lý: 1</i>						
	<i>Dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý, kiến nghị xử lý: 0</i>						
1.4	Công tác tuyên truyền CCHC	1					
	<i>Tuyên truyền nội dung CCHC thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, hội nghị: 0,5</i>						
	<i>Tuyên truyền nội dung CCHC thông qua các hình thức khác: 0,5</i>						
1.5	Sáng kiến hoặc giải pháp mới trong thực hiện CCHC	2					
	<i>Có từ 2 sáng kiến/giai pháp mới trở lên: 2</i>						
	<i>Có 1 sáng kiến/giai pháp mới: 1</i>						
	<i>Không có sáng kiến/giai pháp mới: 0</i>						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Tổng điểm đạt được	Ghi chú
			Tự đánh giá	Điều tra khảo sát	UBND tỉnh đánh giá		
1.6	Thực hiện các nhiệm vụ được Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân giao trong năm	1					
	<i>Hoàn thành đúng tiến độ 100% số nhiệm vụ được giao: 1</i>						
	<i>Hoàn thành 100% số nhiệm vụ được giao nhưng chậm tiến độ hoặc hoàn thành từ 90% đến dưới 100% số nhiệm vụ: 0,5</i>						
	<i>Hoàn thành dưới 90% số nhiệm vụ được giao: 0</i>						
2	XÂY DỰNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT TẠI TỈNH	8					
2.1	Theo dõi thi hành pháp luật (TDTHPL)	2					
2.1.1	Triển khai, thực hiện Kế hoạch, văn bản của tỉnh về tình hình TDTHPL	0,5					
	<i>Có triển khai, thực hiện: 0,5</i>						
	<i>Không triển khai, thực hiện: 0</i>						
2.1.2	Kiểm tra tình hình thi hành pháp luật	0,5					
	<i>Có thực hiện kiểm tra: 0,5</i>						
	<i>Không thực hiện: 0</i>						
2.1.3	Báo cáo kết quả TDTHPL	1					

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Tổng điểm đạt được	Ghi chú
			Tự đánh giá	Điều tra khảo sát	UBND tỉnh đánh giá		
	<i>Báo cáo đúng, đủ số lượng quy định: 1</i>						
	<i>Báo cáo không đủ hoặc không báo cáo: 0</i>						
2.2	Tác động của cải cách đến thể chế, cơ chế, chính sách thuộc phạm vi quản lý của cơ quan	6					
2.2.1	Tính hợp lý của các văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi quản lý	1,5					DTKS
2.2.2	Tính khả thi của các văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi quản lý	1,5					DTKS
2.2.3	Tính kịp thời của các văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi quản lý	1					DTKS
2.2.4	Tính kịp thời trong việc phát hiện và xử lý các bất cập, vướng mắc trong tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi quản lý	1					DTKS
2.2.5	Văn bản quy phạm pháp luật ban hành có rõ ràng, dễ hiểu, dễ thực hiện	1					DTKS
3	CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (TTHC)	20					
3.1	Kiểm soát TTHC	4					
3.1.1	Thực hiện việc cập nhật, rà soát, tham mưu công bố mới TTHC	2					

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Tổng điểm đạt được	Ghi chú
			Tự đánh giá	Điều tra khảo sát	UBND tỉnh đánh giá		
	<i>Kịp thời, thường xuyên: 2</i>						
	<i>Không kịp thời, thường xuyên: 0</i>						
3.1.2	Xử lý các vấn đề phát hiện qua rà soát TTHC	2					
	<i>100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 2</i>						
	<i>Từ 80% - dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1</i>						
	<i>Dưới 80% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0</i>						
3.2	Công khai, niêm yết TTHC	2					
3.2.1	Công khai TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại nơi tiếp nhận, giải quyết TTHC	1					
	<i>Đầy đủ, kịp thời và đúng quy định: 1</i>						
	<i>Không đầy đủ, không kịp thời và không đúng quy định: 0</i>						
3.2.2	Công khai TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết trên Trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị	1					
	<i>Đầy đủ, kịp thời và đúng quy định: 1</i>						
	<i>Không đầy đủ, không kịp thời và không đúng quy định: 0</i>						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Tổng điểm đạt được	Ghi chú
			Tự đánh giá	Điều tra khảo sát	UBND tỉnh đánh giá		
3.3	Công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ, TTHC trên Cổng Thông tin điện tử hoặc Cổng Dịch vụ công của tỉnh	1					
	<i>100% hồ sơ, TTHC giải quyết được công khai: 1</i>						
	<i>Dưới 100% hồ sơ, TTHC giải quyết được công khai: 0</i>						
3.4	Kết quả giải quyết hồ sơ, TTHC	3					
3.4.1	Tỷ lệ hồ sơ, TTHC được giải quyết đúng hạn theo quy định tại UBND cấp huyện	1					
	<i>Từ 95%-100% số hồ sơ TTHC do UBND huyện tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn thì điểm đánh giá theo công thức</i>						
	$\left[\frac{\text{Tỷ lệ \% số hồ sơ giải quyết đúng hạn}}{100\%} \times 1,00 \right]$						
	Dưới 95% số hồ sơ TTHC trong năm được giải quyết đúng hạn: 0						
3.4.2	Tỷ lệ hồ sơ, TTHC được giải quyết đúng hạn theo quy định tại UBND cấp xã	1					

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Tổng điểm đạt được	Ghi chú
			Tự đánh giá	Điều tra khảo sát	UBND tỉnh đánh giá		
	<p><i>Từ 95%-100% số hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn thì điểm đánh giá theo công thức</i></p> $\left[\frac{\text{Tỷ lệ \% số hồ sơ giải quyết đúng hạn}}{100\%} \times 1,00 \right]$						
	Dưới 95% số hồ sơ TTHC trong năm được giải quyết đúng hạn: 0						
3.4.3	Thực hiện việc xin lỗi người dân, tổ chức khi để xảy ra trễ hẹn trong giải quyết hồ sơ, TTHC	1					
	Thực hiện đầy đủ, đúng quy định việc xin lỗi người dân, tổ chức khi để xảy ra trễ hẹn trong giải quyết hồ sơ, TTHC: 1						
	Không thực hiện đầy đủ hoặc không đúng quy định: 0						
3.5	Thực hiện việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với quy định TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết	1					
	100% số phản ánh, kiến nghị được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Tổng điểm đạt được	Ghi chú
			Tự đánh giá	Điều tra khảo sát	UBND tỉnh đánh giá		
	Từ 90% - dưới 100% số phản ánh, kiến nghị được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,5						
	Dưới 90% số phản ánh, kiến nghị được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0						
3.6	Công khai kết quả trả lời phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với quy định TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết	1					
	100% số phản ánh, kiến nghị đã xử lý, trả lời được công khai theo quy định: 1						
	Dưới 100% số phản ánh, kiến nghị đã xử lý, trả lời được công khai theo quy định: 0						
3.7	Thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông	2					
3.7.1	Tỷ lệ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết được tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông	1					
	100% TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết được tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa: 1						
	Dưới 100% TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết được tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa: 0						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Tổng điểm đạt được	Ghi chú
			Tự đánh giá	Điều tra khảo sát	UBND tỉnh đánh giá		
3.7.2	Đưa TTHC ngành dọc thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận một cửa cấp huyện theo danh mục được phê duyệt	1					
	Từ 80% số TTHC trở lên: 1						
	Từ 60% - dưới 80% TTHC: 0,5						
	Dưới 60% số TTHC: 0						
3.8	Tác động của cải cách đến chất lượng giải quyết TTHC	6					
3.8.1	Mức độ rõ ràng, dễ hiểu về các quy định hồ sơ, thủ tục, trình tự thực hiện TTHC thuộc lĩnh vực phụ trách	2					DTKS
3.8.2	Việc công khai, niêm yết đầy đủ, kịp thời các quy định hồ sơ, thủ tục, trình tự thực hiện TTHC thuộc lĩnh vực phụ trách tại nơi tiếp nhận và trả kết quả	2					DTKS
3.8.3	Kết quả giải quyết hồ sơ, thủ tục	2					DTKS
4	CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH	15					
4.1	Thực hiện việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy theo quy định của Đề án số 05-ĐA/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy,	2					

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Tổng điểm đạt được	Ghi chú
			Tự đánh giá	Điều tra khảo sát	UBND tỉnh đánh giá		
	Quyết định số 638/QĐ-UBND, Quyết định số 639/QĐ-UBND của UBND tỉnh						
	<i>Đúng quy định: 2</i>						
	<i>Không đúng quy định: 0</i>						
4.2	Thực hiện quy định về cơ cấu số lượng lãnh đạo cấp phòng thuộc UBND huyện, lãnh đạo UBND cấp xã	1					
	<i>Đúng quy định: 1</i>						
	<i>Không đúng quy định: 0</i>						
4.3	Báo cáo kết quả số lượng lãnh đạo cấp phòng (TP, PTP) thuộc UBND huyện	1					
	<i>Đầy đủ, đúng quy định: 1</i>						
	<i>Không đầy đủ hoặc không đúng quy định: 0</i>						
4.4	Thực hiện quy định về sử dụng biên chế	1					
4.4.1	Thực hiện quy định về sử dụng biên chế hành chính	0,5					
	<i>Sử dụng không vượt quá số lượng biên chế hành chính được giao: 0,5</i>						
	<i>Sử dụng vượt quá số lượng biên chế hành chính được giao: 0</i>						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Tổng điểm đạt được	Ghi chú
			Tự đánh giá	Điều tra khảo sát	UBND tỉnh đánh giá		
4.4.2	Thực hiện quy định về số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan, đơn vị	0,5					
	<i>Thực hiện đúng quy định số lượng được giao và không có hợp đồng chuyên môn, nghiệp vụ: 0,5</i>						
	<i>Thực hiện không đúng quy định về sử dụng biên chế sự nghiệp hoặc có hợp đồng chuyên môn, nghiệp vụ: 0</i>						
4.5	Thực hiện phân cấp quản lý	5					
4.5.1	Thực hiện đúng các quy định về phân cấp quản lý do UBND tỉnh ban hành (Quyết định số 31/2014/QĐ-UBND, Quyết định số 30/2015/QĐ-UBND và Quyết định số 38/2016/QĐ-UBND)	1					
	<i>Thực hiện đúng các quy định: 1</i>						
	<i>Không thực hiện đúng các quy định: 0</i>						
4.5.2	Thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ được phân cấp thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách	1					
	<i>Có thực hiện: 1</i>						
	<i>Không thực hiện: 0</i>						
4.5.3	Xử lý các vấn đề về phân cấp phát hiện qua kiểm tra	1					

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Tổng điểm đạt được	Ghi chú
			Tự đánh giá	Điều tra khảo sát	UBND tỉnh đánh giá		
	100% số vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý/kiến nghị xử lý: 1						
	Dưới 100% số vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý/kiến nghị xử lý: 0						
4.5.4	Báo cáo định kỳ 06 tháng, năm về kết quả thực hiện Nghị quyết 18, 19 của Ban chấp hành TW (Kết quả thực hiện Quyết định số 638/QĐ-UBND, Quyết định số 639/QĐ-UBND của UBND tỉnh)	2					
	Thực hiện đầy đủ về số lượng, nội dung và thời gian theo quy định: 2						
	Thực hiện không đầy đủ một trong các yêu cầu về số lượng, nội dung và thời hạn gửi báo cáo: 0						
4.6	Tác động của cải cách đến tổ chức bộ máy hành chính	5					
4.6.1	Tình hình thực hiện quy chế của cơ quan, đơn vị	1					DTKS
4.6.2	Mối quan hệ phối hợp giữa các phòng, ban, đơn vị trực thuộc cơ quan, đơn vị trong giải quyết công việc	2					DTKS
4.6.3	Kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị	2					DTKS

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Tổng điểm đạt được	Ghi chú
			Tự đánh giá	Điều tra khảo sát	UBND tỉnh đánh giá		
5	XÂY DỰNG VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC	18					
5.1	Có xây dựng và thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm được UBND tỉnh phê duyệt (bảng mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm của CC, VC theo Đề án vị trí việc làm đã được UBND tỉnh phê duyệt)	1					
	<i>Đã thực hiện: 1</i>						
	<i>Chưa thực hiện: 0</i>						
5.2	Thực hiện quy định về tuyển dụng công chức cấp xã, tuyển dụng viên chức tại các cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND cấp huyện	2					
	<i>Đúng quy định: 2</i>						
	<i>Không đúng quy định: 0</i>						
5.3	Thực hiện đầy đủ quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại vị trí lãnh đạo	2					
	<i>Thực hiện đúng quy định: 2</i>						
	<i>Thực hiện chưa đúng quy định: 0</i>						
5.4	Đánh giá, phân loại công chức, viên chức	2					

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Tổng điểm đạt được	Ghi chú
			Tự đánh giá	Điều tra khảo sát	UBND tỉnh đánh giá		
	<i>Thực hiện đúng quy định về trình tự, thủ tục và thời gian: 2</i>						
	<i>Thực hiện không đúng quy định và không đúng thời gian: 0</i>						
5.5	Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của công chức, viên chức	2					
5.5.1	Việc tiếp nhận, giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo của cá nhân, tổ chức về việc vi phạm kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức trong năm	1					
	Có tiếp nhận, có giải quyết: 1						
	Có tiếp nhận mà không giải quyết theo quy định: 0						
5.5.2	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức vi phạm kỷ luật	1					
	<i>Trong năm không có công chức, viên chức bị kỷ luật: 1</i>						
	<i>Trong năm có công chức, viên chức bị kỷ luật: 0</i>						
5.6	Kết quả đào tạo, bồi dưỡng	1					

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Tổng điểm đạt được	Ghi chú
			Tự đánh giá	Điều tra khảo sát	UBND tỉnh đánh giá		
	<i>100% công chức, viên chức được cử hoàn thành chương trình đào tạo, bồi dưỡng: 1</i>						
	<i>Dưới 100% công chức, viên chức được cử hoàn thành chương trình đào tạo, bồi dưỡng: 0</i>						
5.7	Tác động của cải cách đến quản lý công chức, viên chức	3					
5.7.1	Tình trạng tiêu cực trong bỏ nhiệm, bỏ nhiệm lại vị trí lãnh đạo, quản lý	1,5					DTKS
5.7.2	Tình công khai minh bạch trong công tác quản lý, sử dụng công chức, viên chức	1,5					
5.8	Tác động của cải cách đến chất lượng công chức, viên chức	5					
5.8.1	Năng lực chuyên môn của công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ	1,5					
5.8.2	Tình thần trách nhiệm của công chức, viên chức trong thực hiện nhiệm vụ	1,5					DTKS
5.8.3	Tình trạng công chức, viên chức lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi cá nhân	2					
6	CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG	9					
6.1	Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí hành chính	2					

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Tổng điểm đạt được	Ghi chú
			Tự đánh giá	Điều tra khảo sát	UBND tỉnh đánh giá		
	<i>Không có sai phạm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính được phát hiện trong năm đánh giá: 2</i>						
	<i>Có sai phạm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính được phát hiện trong năm đánh giá: 0</i>						
6.2	Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm tại các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND cấp huyện	4					
6.2.1	Số đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND huyện tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	2					
	<i>Có (từ 02) đơn vị trở lên: 2</i>						
	<i>Có (01) đơn vị: 1</i>						
	<i>Không có đơn vị thực hiện: 0</i>						
6.2.2	Số đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND huyện tự đảm bảo 100% chi thường xuyên	2					
	<i>Có từ 02 đơn vị trở lên: 2</i>						
	<i>Có 01 đơn vị: 1</i>						
	<i>Không có đơn vị thực hiện: 0</i>						
6.3	Tác động của cải cách đến quản lý tài chính công	3					

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Tổng điểm đạt được	Ghi chú
			Tự đánh giá	Điều tra khảo sát	UBND tỉnh đánh giá		
6.3.1	Thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng kinh phí của cơ quan	1,5					DTKS
6.3.2	Tính hiệu quả của việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm	1,5					DTKS
7	HIỆN ĐẠI HÓA HÀNH CHÍNH	18					
7.1	Ứng dụng công nghệ thông tin của tỉnh tại cơ quan	2					
7.1.1	Tổ chức thực hiện Kế hoạch ứng dụng CNTT của tỉnh	0,5					
	<i>Có văn bản (hoặc Kế hoạch) triển khai thực hiện và hoàn thành từ 90% trở lên chi tiêu Kế hoạch của tỉnh: 0,5</i>						
	<i>Không có văn bản (hoặc Kế hoạch) triển khai thực hiện và hoặc thực hiện hoàn thành dưới 90% chi tiêu kế hoạch của UBND tỉnh: 0</i>						
7.1.2	Thực hiện quản lý, điều hành công việc trong nội bộ và phát hành văn bản điện tử (có ký số) trên phần mềm quản lý văn bản và điều hành (iOffice)	1,5					
	Tỷ lệ văn bản điện tử đến trên iOffice được tiếp nhận, chuyển xử lý và xử lý hoàn thành trên phần mềm iOffice (so với tổng số văn bản đến trên iOffice): + Tỷ lệ 100%: 0,5 + Tỷ lệ dưới 100%: 0	0,5					
	Tỷ lệ văn bản đến bằng văn bản giấy (trừ văn bản mật) được số hóa, tiếp nhận, chuyển xử lý và xử lý hoàn thành trên phần mềm iOffice (so với tổng số văn bản đến bằng văn bản giấy trừ văn bản mật):	0,5					

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Tổng điểm đạt được	Ghi chú
			Tự đánh giá	Điều tra khảo sát	UBND tỉnh đánh giá		
	+ Tỷ lệ 100%: 0,5 + Tỷ lệ dưới 100%: 0						
	Tỷ lệ văn bản đi được phát hành bằng hình thức điện tử (có ký số) trên phần mềm iOffice (so với tổng số văn bản đi của cơ quan, đơn vị): + Tỷ lệ từ 90% trở lên: 0,5 + Tỷ lệ dưới 90%: 0	0,5					
7.2	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến	5					
7.2.1	Tỷ lệ TTHC được cung cấp trực tuyến đạt mức độ 3 (so với tổng số thủ tục hành chính thuộc trách nhiệm giải quyết của cơ quan, đơn vị)	1					
	Tỷ lệ từ 70% trở lên: 1						
	Tỷ lệ dưới 70%: 0						
7.2.2	Tỷ lệ TTHC được cung cấp trực tuyến mức độ 4 (so với tổng số thủ tục hành chính thuộc trách nhiệm giải quyết của cơ quan, đơn vị)	1					
	Tỷ lệ từ 30% trở lên: 1						
	Tỷ lệ dưới 30%: 0						
7.2.3	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức 3,4 có phát sinh hồ sơ trong năm ($\frac{\text{Tổng số TTHC có phát sinh hồ sơ}}{\text{Tổng số TTHC cung cấp mức 3,4}}$)	1					
	Tỷ lệ từ 50% trở lên: 1						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Tổng điểm đạt được	Ghi chú
			Tự đánh giá	Điều tra khảo sát	UBND tỉnh đánh giá		
	Tỷ lệ dưới 50%: 0						
7.2.4	Tỷ lệ hồ sơ tiếp nhận trực tuyến so với tổng số hồ sơ tiếp nhận (trực tuyến và trực tiếp) đối với DVC mức độ 3. Tỷ lệ từ 20% trở lên: 1	1					
	Tỷ lệ từ 10% đến dưới 20%: điểm tính theo công thức: $: \left[\frac{\text{Tỷ lệ \% hồ sơ} \times 1.00}{20\%} \right]$						
	Tỷ lệ dưới 10% TTHC: 0						
7.2.5	Tỷ lệ hồ sơ tiếp nhận trực tuyến so với tổng số hồ sơ tiếp nhận (trực tuyến và trực tiếp) đối với DVC mức độ 4. Tỷ lệ từ 20% trở lên: 1 điểm	1					
	Tỷ lệ từ 10% đến dưới 20%: điểm tính theo công thức: $\left[\frac{\text{Tỷ lệ \% hồ sơ} \times 1.00}{20\%} \right]$						
	Tỷ lệ dưới 10% TTHC: 0						
7.3	Thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích (BCCI)	4					
7.3.1	Tỷ lệ TTHC đã triển khai có phát sinh hồ sơ tiếp nhận/trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI <u>Tổng số TTHC có phát sinh hồ sơ qua BCCI</u> <u>Tổng số TTHC triển khai thực hiện qua BCCI</u>	2					
	Tỷ lệ từ 50% trở lên: 2						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Tổng điểm đạt được	Ghi chú
			Tự đánh giá	Điều tra khảo sát	UBND tỉnh đánh giá		
	<i>Tỷ lệ dưới 50%: 0 điểm</i>						
7.3.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận qua dịch vụ BCCI so với tổng số hồ sơ được tiếp nhận (bao gồm nhận qua BCCI, trực tuyến, trực tiếp) đối với các TTHC được thực hiện qua dịch vụ BCCI <u>Tổng số hồ sơ tiếp nhận qua BCCI</u> <u>Tổng số hồ sơ tiếp nhận của các TTHC được thực hiện qua</u>	1					
	<i>Tỷ lệ từ 10% hồ sơ TTHC trở lên: 1</i>						
	<i>Tỷ lệ dưới 10% hồ sơ TTHC: 0</i>						
7.3.3	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được trả qua dịch vụ BCCI so với tổng số hồ sơ được trả (bao gồm trả trực tiếp, qua BCCI) đối với các TTHC được thực hiện qua dịch vụ BCCI <u>Tổng số hồ sơ tiếp nhận qua BCCI</u> <u>Tổng số hồ sơ tiếp nhận của các TTHC được thực hiện qua</u>	1					
	<i>Tỷ lệ từ 10% hồ sơ TTHC trở lên: 1</i>						
	<i>Tỷ lệ dưới 10% hồ sơ TTHC: 0</i>						
7.4	Áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng ISO	2					
7.4.1	Việc triển khai, thực hiện Hệ thống quản lý chất lượng ISO	1					
	<i>Có triển khai, thực hiện đúng quy định: 1</i>						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Tổng điểm đạt được	Ghi chú
			Tự đánh giá	Điều tra khảo sát	UBND tỉnh đánh giá		
	<i>Không thực hiện đúng quy định: 0</i>						
7.4.2	Tỷ lệ TTHC thực hiện ISO	1					
	<i>100% TTHC: 1</i>						
	<i>Dưới 100% TTHC: 0</i>						
7.5	Tác động của cải cách đến hiện đại hóa hành chính	4					
7.5.1	Tình kịp thời, đầy đủ của thông tin được cung cấp trên Trang thông tin điện tử của cơ quan	1					DTKS
7.5.2	Người dân, doanh nghiệp có thường truy cập trên trang thông tin điện tử của cơ quan	1					DTKS
7.5.3	Mức độ thuận tiện trong việc truy cập, khai thác thông tin trên Trang thông tin điện tử của cơ quan	1					DTKS
7.5.4	Tình hiệu quả trong việc thực hiện quy trình ISO	1					DTKS
8	Mức độ hài lòng của cá nhân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan, đơn vị	2					Điểm được xác định dựa trên kết quả phiếu khảo sát đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức tại cơ quan, đơn vị khi triển khai thực hiện mô
	$\left[\frac{\text{(Tỷ lệ \% hài lòng của người dân, tổ chức} \times 2,00 \text{)}}{100\%} \right]$						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Tổng điểm đạt được	Ghi chú
			Tự đánh giá	Điều tra khảo sát	UBND tỉnh đánh giá		
							hình “Chính quyền, công sở thân thiện và trách nhiệm”
TỔNG ĐIỂM		100	68	32			